

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-PT

Ngày 22-12-2021

V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Thị Phương Thảo.

*Các Thẩm phán:* - Bà Lương Hải Yến.

- Bà Đỗ Thị Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **Vũ Thị Vân N** - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà X, TND, phường VX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

**\* Bị đơn:** Chị **Vũ Thị H1** - Sinh năm 1969.

ĐKKH: Thôn LL, xã ĐX, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Thôn QT, xã ĐX, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Bà **Nguyễn Thị P** - Sinh năm 1948.

Địa chỉ: Thôn PLĐ, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Vũ Quý H** - Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà X, ngõ Y đường KG, quận HM, thành phố Hà Nội.

2. Bà **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1955.

Địa chỉ: Thôn PLĐ, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

*\*Người làm chứng:*

1. Bà **Nguyễn Thị T1** - Sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn LL, xã ĐX, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

2. Ông **Nguyễn Văn T2** - Sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn PLT, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

*\*Người kháng cáo:* Chị Vũ Thị Vân N và chị Vũ Thị H1.

(Có mặt chị N, chị H1; Bà P, anh H, bà T, bà T1, ông T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*\* Nguyên đơn - chị Vũ Thị Vân N trình bày:* Bố chị là ông Vũ Tiến T3 (chết năm 2018), mẹ chị là bà Nguyễn Thị T1. Bố mẹ chị sinh được 3 người con chị Vũ Thị H1, chị và anh Vũ Quý H. Bố mẹ chị không có con riêng, con nuôi. Khoảng năm 1979 bố mẹ chị ly hôn, khi ly hôn bố mẹ chị không có tài sản chung. Năm 1984, bố chị kết hôn với bà Nguyễn Thị P. Quá trình chung sống bố chị và bà P không có con chung, không có con nuôi. Thời gian chung sống bố chị và bà P tạo dựng được khối tài sản chung gồm 02 đất ở: Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 2, diện tích 179,8m<sup>2</sup> tại thôn PLĐ, xã ĐH mua của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị G, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có ngôi nhà xây gạch, hiện tại bà P đang quản lý và sử dụng. Thửa đất số 798, tờ bản đồ số 2, diện tích 84,6m<sup>2</sup> tại thôn PLĐ, xã ĐH mua của ông Trần Quốc B và bà Vũ Thị N1, thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố chị và bà Nguyễn Thị P. Năm 2014, bố chị và bà P cho chị H1 mượn làm 01 nhà bán mái lợp tôn trên thửa đất 798 để ở và bán hàng. Sau khi bố chị mất chị H1 không sinh sống tại thửa đất 798 mà về ở nhờ quê ngoại tại thôn LL, xã ĐX, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

Khi bố chị còn sống, ngày 19/6/2012, bố chị và bà P thống nhất lập di chúc để phân chia tài sản cho các con. Trong di chúc bố chị và bà P thống nhất tài sản của bố chị và bà P sẽ được chia đôi, một nửa của bà P, một nửa của bố chị được chia đều cho

3 con chị H1, chị và anh H. Bản di chúc được lập thành 03 bản có chứng thực của UBND xã ĐH, một bản đưa bà P giữ, một bản giao cho chị giữ còn một bản lưu tại UBND xã ĐH. Sau khi bố mất, gia đình muốn chia tài sản thừa kế theo di chúc bố để lại nhưng chị H1 không đồng ý và cho rằng bản di chúc đó là giả, gây mất tình cảm, xáo trộn trong gia đình. Bản di chúc bà P giữ bị chị H1 xem và giữ luôn trong buổi họp gia đình bàn về việc chia thừa kế, bản di chúc còn lại chị đang lưu giữ.

Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản thừa kế của bố chị theo di chúc bố chị và bà P lập ngày 19/6/2012. Chị xin được hưởng di sản bằng hiện vật trong thửa đất số 358 có ngôi nhà bà P đang sử dụng. Các tài sản theo di chúc còn một số đồ dùng sinh hoạt giá trị không đáng kể chị không yêu cầu chia nhường lại cho bà Nguyễn Thị P sử dụng.

*\* Bị đơn - chị Vũ Thị H1 trình bày:* Về quan hệ gia đình chị nhất trí với phần trình bày của chị N. Bố chị và bà P về chung sống với nhau nhưng kinh tế riêng biệt. Quá trình chung sống bố chị và bà P có mua được 02 thửa đất, gồm thửa đất số 358 tờ bản đồ số 2, diện tích 179,8m<sup>2</sup> mua của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị G nhưng chị không biết mua từ khi nào. Trên thửa đất có ngôi nhà xây gạch đã lâu hiện đã xuống cấp bà P đang ở. Thửa đất ở số 798, tờ bản đồ số 2, diện tích 84,6m<sup>2</sup> mua của ông Trần Quốc B và bà Vũ Thị N1, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố chị và bà Nguyễn Thị P. Trên đất có 02 gian nhà bố chị và bà P làm để bán hàng. Sau một thời gian thấy chị khó khăn chưa có đất ở nên bố chị và bà P bảo chị lên ở trên thửa đất 798. Lúc đầu chị lên bán hàng rồi đi về, sau đó được sự đồng ý của bố chị và bà P nên chị dỡ 01 gian nhà cũ đồng thời xây nhà lợp tôn trên toàn bộ diện tích đất để ở và bán hàng. Chị ở trên thửa đất đến khi con gái bị ốm phải đi bệnh viện, nhà lợp tôn nóng không có điều kiện lắp điều hòa, bà P thỉnh thoảng lại sang đòi đất nên ông Nguyễn Văn Tuấn (cậu ruột chị) bảo chị về quê xã ĐX để ở.

Chị khẳng định thửa đất ở số 798, diện tích 84,6m<sup>2</sup> bố đã mua cho chị, việc bố mua đất cho chị ai cũng biết nhưng bố chỉ nói bằng miệng chưa có văn bản giấy tờ gì. Chị đã san lấp, đôn nền đất cát, xây nhà trên đất để bán hàng ăn uống sau đó thực hiện việc chăm sóc lúc bố ốm đau đến khi bố qua đời. Thời điểm bố mua đất em H cầm về 22.000.000 đồng trả tiền đất cùng bố, bố nói với em H sau này một đứa ở trên này, một đứa ở dưới kia tức là chị ở ĐH còn em H ở ĐX hoặc ngược lại, em H cũng nhiều lần nói lại với chị điều này. Sau này bố đã trả lại cho em H số tiền vay trên. Khi bố qua đời chị không biết ông lập di chúc phân chia tài sản. Sau khi bố mất, năm 2020 anh em trong gia đình họp bàn chia tài sản của bố, bà P đưa ra một bản di chúc, lúc này chị mới biết bố có lập di chúc nhưng nội dung di chúc không thể hiện định danh cá nhân của từng người, địa chỉ những người được hưởng tài sản, đồ dùng sinh hoạt thì ghi (...), vậy (...) là gì, chị chưa rõ. Nay chị N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố, chị không nhất trí. Do chị có hoàn cảnh khó khăn nên bố mua thửa đất số

798 để cho chị nên không chia thừa kế được. Bà P với bố chị hai người góp gạo thổi cơm chung, không có đăng ký kết hôn nên bà P không được ký di chúc, bà P xuất trình giấy đăng ký kết hôn nhưng giấy đăng ký kết hôn không hợp pháp, chị không công nhận. Chị N yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc là không đủ điều kiện khởi kiện vì bà P và chị N chưa chứng minh được chữ ký trong di chúc là chữ ký của bố chị, chữ ký của bố chị trong giấy mua bán đất bà P cung cấp, trong giấy công nhận kết hôn và trong bản di chúc chị N cung cấp không giống nhau, chỉ có chữ ký của bố chị trong giấy mua bán đất là đúng còn các tài liệu trên đều là giả. Mặt khác, tâm nguyện của bố mua thừa đất số 798 mang tên bố chị và bà P mục đích để trao quyền cho bà P, sau này bà P trao lại cho chị sử dụng nên bản di chúc chị N cung cấp là di chúc không hợp pháp, chị không nhất trí việc chị N hay bà P yêu cầu chia di sản thừa kế của bố theo di chúc chị N cung cấp, chị cũng không yêu cầu chia di sản thừa kế của bố chị theo pháp luật. Chị xác định bố có lập một bản di chúc viết tay, trong đó chị N có ghi ý kiến giải thích lời bố trình bày nhưng bản di chúc viết tay đó không phải bản di chúc viết tay chị N cung cấp cho Tòa án. Nếu các em và bà P đồng ý xác định thừa đất 798 bố cho chị và để lại một phần di sản của bố làm nơi thờ cúng thì chị đồng ý chia thừa kế của bố theo di chúc.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - Bà Nguyễn Thị P trình bày:* Bà và ông Vũ Tiến T3 kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã DX năm 1984. Khi bà kết hôn với ông T3, ông T3 không có tài sản gì nhưng ông T3 đã có vợ là bà Nguyễn Thị T1 và hai bên ly hôn từ năm 1979. Ông T3, bà T1 có 3 con chung là chị Vũ Thị Hà, chị Vũ Thị Vân N và anh Vũ Quý H. Các con riêng của ông T3 ở với bà T1. Quá trình chung sống bà và ông T3 không có con chung, không có con nuôi. Thời gian chung sống với ông T3 ông bà tạo dựng được một số tài sản chung gồm: Thừa đất số 358, tờ bản đồ số 2, diện tích 179,8m<sup>2</sup> mua của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị G, trên đất bà và ông T3 xây dựng ngôi nhà hiện nay bà đang sinh sống và sử dụng. Thừa đất 358 chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có giấy mua bán đất viết tay giữa bà, ông T3 và ông M, bà G từ năm 1986 có chứng thực của chính quyền xã DH. Trong quá trình sử dụng đất bà và ông T3 có hiến đất làm đường nông thôn mới nên diện tích đất giảm đi so với diện tích khi ông bà mua của ông M, bà G.

Thừa đất số 798 tờ bản đồ số 2, diện tích 84,6m<sup>2</sup> bà và ông T3 mua của ông Trần Quốc B và bà Vũ Thị N1, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà và ông T3. Quá trình sử dụng đất bà và ông T3 có cho chị H1 (con riêng ông T3) mượn làm nhà bán mái lợp tôn để ở và bán hàng vì thừa đất ở gần chợ Gò cũ. Tuy nhiên, sau khi chợ Gò chuyển ra chỗ khác chị H1 về quê sinh sống, hiện nhà đất không ai ở. Khi xây quán bán hàng bà và chị H1 chưa làm hết đất vẫn còn khe

rãnh giáp ranh giữa nhà ông B, anh Hóa, bà T. Phần ranh giới với nhà bà T tại thửa đất số 798, về phía Nam nhà bà và phía Bắc nhà bà T khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định chị H xây dựng tường quán lấn sang đất nhà bà T 0,3m<sup>2</sup>, vượt qua ranh giới đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà và ông T3 được cấp, bà đề nghị Tòa án phân chia theo đúng diện tích đất của gia đình.

Ngày 19/6/2012, ông T3 lập bản di chúc để phân chia di sản cho bà và các con của ông T3. Thời điểm ông T3 lập di chúc bố mẹ ông T3 đã mất từ lâu. Khi lập di chúc ông T3 lập ở đâu bà không biết nhưng sau khi lập di chúc ông T3 đã ký và mang về cho bà đọc. Bà đọc lại di chúc và nhất trí nội dung di chúc nên bà đồng ý và ký tên vào bản di chúc tại gia đình. Bà biết nội dung di chúc ông T3 chia cho bà ½ tài sản của vợ chồng và chia cho 03 con của ông T3 ½ số tài sản của vợ chồng. Sau khi ông bà ký vào bản di chúc, ông T3 bảo chị N mang ra xã chứng thực. Khi chị N mang di chúc ra UBND xã chứng thực thì UBND xã yêu cầu phải đưa ông bà ra UBND xã ký trước mặt đại diện chính quyền xã thì UBND xã mới chứng thực di chúc cho ông bà. Sau đó, chị N đã đưa ông bà ra UBND xã ĐH ký vào bản di chúc trước sự chứng kiến của chính quyền UBND xã ĐH. Di chúc được lập thành 03 bản, UBND xã ĐH lưu giữ một bản, bà giữ một bản, chị N giữ một bản.

Năm 2018 ông T3 mất, năm 2019 sau giỗ đầu ông T3 bà gọi các con ông T3 đến để họp bàn phân chia di sản của ông T3 theo di chúc mà bà và ông T3 đã lập nhưng chị H1 không nhất trí. Bà đưa bản di chúc photo ra, chị H nói là di chúc giả vì không có dấu đỏ, bà đưa bản chính ra chị H1 giữ và không trả lại cho bà. Sau đó nhiều lần bà gọi các con của ông T3 đến để giải quyết nhưng chị H không đến, bà phải xuống nhà chị H ở xã ĐX gọi các con đến giải quyết nhưng chị H1 không hợp tác nên gia đình vẫn chưa phân chia được di sản của ông T3. Bà biết ông T3 viết di chúc chia cho bà ½ tài sản đó là phần tài sản của bà trong khối tài sản chung của vợ chồng, còn ông T3 không để lại phần thừa kế của ông T3 cho bà nhưng bà vẫn nhất trí theo di chúc của ông T3, tuy nhiên chị H không đồng ý việc ông T3 phân chia di sản theo di chúc mà còn có lời lẽ xúc phạm bà nên bà không yêu cầu chia nữa.

Nay chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông T3 theo di chúc bà và ông T3 lập ngày 19/6/2012, bà xác định bản di chúc ông T3 và bà lập hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện không bị ép buộc và hai bên đều minh mẫn, bà xác định bản di chúc là hợp pháp. Bà đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của ông T3 theo di chúc ngày 19/6/2012 và bà xin được sử dụng thửa đất số 358 tờ bản đồ số 02 và sử dụng tài sản xây dựng trên đất.

*\* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*1. Anh Vũ Quý H trình bày:* Về quan hệ gia đình anh nhất trí với phần trình bày của chị N. Khoảng năm 1979 bố mẹ anh ly hôn. Khi ly hôn bố mẹ anh không có tài sản chung. Năm 1984, bố anh kết hôn với bà Nguyễn Thị P. Bố anh và bà P xây dựng được khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 2, diện tích 179,8m<sup>2</sup> mua của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị G. Thửa đất có giấy mua bán viết tay giữa ông M, bà G bán cho bố anh và bà P, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có ngôi nhà xây gạch hiện bà P đang ở. Thửa đất số 798, tờ bản đồ số 2, diện tích 84,6m<sup>2</sup>, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố anh và bà P mua của ông Trần Quốc B và bà Vũ Thị N1. Ngày 19/6/2012, bố anh và bà P thống nhất lập di chúc với nội dung chia một nửa tài sản cho bà P, còn một nửa chia cho 03 người gồm chị N, chị H1 và anh. Bản di chúc được lập thành 3 bản có chứng nhận của UBND xã ĐH. Bà P giữ một bản, chị N giữ một bản còn một bản lưu tại UBND xã ĐH. Năm 2018, bố anh mất, gia đình muốn chia di sản thừa kế, bà P đưa bản di chúc ra nhưng chị H1 không đồng ý và cho là bản di chúc giả, gây mất tình cảm xáo trộn trong gia đình. Bản di chúc của bà P chị H1 xem và giữ luôn không trả. Nay chị N yêu cầu chia di sản thừa kế của bố anh, anh đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế theo đúng bản di chúc bố anh và bà P lập ngày 19/6/2012 và chia cho anh thửa đất số 798, tờ bản đồ số 2, đây là đất hương hỏa nên anh xin được giữ lại mảnh đất và thanh toán tiền cho chị H1 vì điều kiện của chị H1 không có khả năng thanh toán.

*2. Bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà là hàng xóm với bà P, ông T3, đất ở của bà T liền kề với thửa đất nhà bà P, ông T3. Bà T được thông báo kết quả đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất số 798, tờ bản đồ số 2, bà xác định đất nhà bà P, ông T3 đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông T3, bà P làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai bên gia đình đã ký giáp ranh xác định ranh giới đất không có tranh chấp, do vậy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định diện tích đất đến đâu thì bà P, ông T3 có quyền sử dụng đất đến đó. Theo tài liệu đo đạc Tòa án công khai cho bà thì tường nhà ông T3 xây dựng ở phía Bắc thửa đất có lấn sang nhà bà 11cm chiều Ngng diện tích là 0,3m<sup>2</sup>, nay bà vẫn cho bà P sử dụng diện tích đất 0,3m<sup>2</sup> sau này khi nhà ông T3, bà P xây dựng nhà mới thì phải trả lại đất cho bà đúng như ranh giới đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình hai bên được cấp. Việc bà P và các con của ông T3 yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T3 bà không có ý kiến gì.

*\* Ý kiến của những người làm chứng:*

*1. Bà Nguyễn Thị T1 trình bày:* Trước đây bà là vợ của ông Vũ Tiến T3 nhưng năm 1979 ông bà đã ly hôn. Giữa bà và ông T3 không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà và ông T3 có 3 con chung là chị Vũ Thị H1, chị Vũ Thị Vân N, anh Vũ Quý H. Sau khi ly hôn ông T3 lấy bà P khi nào và hai người có những tài sản chung gì bà không biết. Trước khi ông T3 mất, bà nghe các con nói lại, ông T3 có lập di

chúc để lại tài sản cho 3 con nhưng cụ thể như thế nào bà không biết. Bà nghe nói ông T3 mua đất cho chị H1 nhưng khi làm giấy tờ thì làm tên ông T3 và bà P. Nay chị N yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T3, bà không có liên quan gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông không có quan hệ họ hàng thân thích với ông T3, bà P và các con ông T3. Ông làm cán bộ tư pháp xã ĐH từ năm 2000 đến nay. Trong thời gian công tác ông xác định đã chứng kiến việc ông Vũ Tiến T3 và bà Nguyễn Thị P lập di chúc định đoạt tài sản của mình. Khi ông T3, bà P lập di chúc, có một người con của ông T3 mang bản di chúc viết tay ra đề nghị UBND xã ĐH chứng thực nhưng do ông T3 và bà P không đi cùng nên ông đã hướng dẫn người con của ông T3 về đưa ông T3 bà P ra UBND xã và họ phải ký và viết trước sự chứng kiến của chính quyền thì UBND xã mới chứng thực di chúc cho gia đình. Sau đó ông T3 và bà P đã ra UBND xã ĐH ký vào bản di chúc được đánh máy trước sự chứng kiến của UBND xã theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay xã ĐH vẫn lưu giữ 01 bản di chúc của ông T3, bà P. Bản di chúc chị Vũ Thị Vân N cung cấp cho Tòa án đúng là bản di chúc địa phương chứng thực và ông đã ký với tư cách người làm chứng.

**\* Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 18/8/2021:**

- Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 02:
  - + Diện tích đất ở 165m<sup>2</sup> trị giá: 165m<sup>2</sup> x 8.000.000 đồng = 1.320.000.000 đồng.
  - + Diện tích đất trồng cây lâu năm: 6m<sup>2</sup> x 45.000 đồng = 270.000 đồng.
  - + Tài sản trên đất: 01 nhà mái bằng đã cũ trị giá 30.290.000 đồng; 01 nhà tắm, 01 bể nước lọc + giếng khoan, 01 nhà kho, 01 sân chat không còn giá trị sử dụng; 01 cổng trị giá 919.000 đồng; một đoạn tường bao trị giá 4.194.000 đồng; 02 cây nhãn trị giá 1.620.000 đồng, 01 cây vối trị giá 370.000 đồng, 01 cây cau trị giá 300.000 đồng.
- Thửa đất số 798, tờ bản đồ số 02:
  - + Diện tích đất ở 84,6m<sup>2</sup> x 10.000.000 đồng = 846.000.000 đồng.
  - + Tài sản trên đất: Phần do bà P, ông T3 xây dựng trị giá 27.841.000 đồng. Phần nhà do chị H1 xây dựng trị giá 58.000.000 đồng.
  - + Các đồ dùng sinh hoạt: 01 điều hòa LG trị giá 500.000 đồng, 01 bình nóng lạnh trị giá 200.000 đồng, 01 tủ lạnh Sannio trị giá 100.000 đồng; 01 tủ thờ, 01 bộ bàn ghế, 01 ti vi đen trắng, 01 giường gỗ không còn giá trị sử dụng.

**Bản án số 11/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình đã quyết định.**

1. Căn cứ các Điều 612, 613, 616, 617, 618, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 632, 636, 643, 655, 658, 659 Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39,

Điều 147, 156, 163, 271, 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Vân N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Vũ Tiến T3 theo di chúc.

3. Tài sản thừa kế được phân chia như sau:

+ Giao cho bà Nguyễn Thị P được sử dụng thửa đất số 358, tờ bản đồ số 02 tại thôn PLĐ, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình có diện tích 171m<sup>2</sup> (trong đó 165m<sup>2</sup> đất ở và 6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) và sở hữu toàn bộ các tài sản gắn liền với thửa đất gồm: 01 ngôi nhà mái bằng xây 20 trát vữa nền gạch hoa xi măng, 01 nhà tắm, 01 bể nước lọc, 01 giếng khoan, 01 nhà kho xây 10 lợp ngói xi măng dàn tre, 01 cổng ra vào bằng sắt và một đoạn tường bao tiếp giáp với ngõ xóm, 02 cây nhãn, 01 cây vối, 01 cây cau và toàn bộ đồ dùng sinh hoạt gồm 01 điều hòa LG, 01 bình nóng lạnh 15 lít hiệu Ariton, 01 tủ lạnh cũ hiệu Sannio, 01 tủ thờ, 01 bộ bàn ghế gỗ ép, 01 ti vi đen trắng, 01 giường gỗ cũ.

+ Giao cho chị H1 được sử dụng thửa đất số 798, tờ bản đồ số 2 tại thôn PLĐ, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình có diện tích 84,6m<sup>2</sup> và các tài sản gắn liền với thửa đất bao gồm: 02 gian quán xây tường 110 do bà P, ông T3 xây dựng năm 2010, 02 cửa sắt bọc tôn (cửa quán). Ngoài ra chị H1 còn được sở hữu 01 nhà cấp bốn mái lợp tôn, tường 110 diện tích 54,7m<sup>2</sup> ở phía nam thửa đất số 798 tờ bản đồ số 2 thôn PLĐ (do chị H1 xây dựng năm 2014) liền kề 02 gian quán ông T3, bà P xây dựng.

+ Bà P có trách nhiệm thanh toán cho chị N và anh H mỗi người số tiền chênh lệch tài sản là 114.236.000 đồng.

+ Chị H1 có trách nhiệm thanh toán cho chị N và anh H mỗi người số tiền chênh lệch tài sản là 249.531.500 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2021, chị Vũ Thị Vân N kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị được chia kỹ phần thừa kế bằng hiện vật, chị có trách nhiệm thanh toán tiền cho anh H, chị H1.

Ngày 04/10/2021 và ngày 13/10/2021 chị Vũ Thị H1 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án xác định thửa đất số 798, diện tích 84,6m<sup>2</sup> là tài riêng của chị vì khi còn sống bố chị (ông T3) đã tuyên bố mua thửa đất cho riêng chị. Thửa đất bà P đang sử dụng, chị đề nghị để ra một phần làm từ đường thờ bố chị còn lại chia theo pháp luật.

**Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:**



1. Chị Vũ Thị Vân N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày: Hiện nay hoàn cảnh của chị H1 rất khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định, con thường xuyên ốm đau nên không có khả năng thanh toán tiền cho chị và anh H. Chị đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị được quyền sử dụng thửa đất số 798 và sở hữu các công trình xây dựng trên đất, chị sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền cho anh H và chị H1 để chị H1 đi tạo dựng chỗ ở mới.

2. Chị Vũ Thị H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Di chúc của bố chị và bà P lập ngày 19/6/2012 chị N cung cấp là giả mạo, không hợp pháp vì đây là tài sản riêng của bố chị, bà P không được phép ký vào di chúc. Thửa đất số 798 bố mua trao cho bà P để bà P trao lại cho chị nhưng bà P cố tình không thực hiện. Nay chị đề nghị Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 798 thuộc quyền sử dụng riêng của chị và cắt một phần thửa đất số 358 để xây dựng từ đường, diện tích đất còn lại chia thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị Vân N và chị Vũ Thị H1. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tố tụng:** Anh Vũ Xuân H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2] Về nội dung:** Xét yêu cầu kháng cáo của chị Vũ Thị Vân N, chị Vũ Thị H1:

[2.1] Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, năm 1986, ông Vũ Tiến T3, bà Nguyễn Thị P mua của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị G diện tích đất 179,8m<sup>2</sup> tại thửa số 358 tờ bản đồ số 2 có giấy viết tay và xác nhận của UBND xã ĐH, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009 ông T3, bà P mua của ông Trần Quốc B và bà Vũ Thị N1 diện tích 84,6m<sup>2</sup> tại thửa số 798 tờ bản đồ số 2, thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Vũ Tiến T3 và bà Nguyễn Thị P. Như vậy, trong thời kỳ hôn nhân ông T3, bà P tạo dựng được khối tài sản chung gồm: Đất ở và các tài sản gắn liền với đất tại thửa số 358, diện tích 179,8m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 171m<sup>2</sup>); đất ở và một phần công trình xây dựng tại thửa số 798, diện tích 84,6m<sup>2</sup> cùng các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Chị

H1 khai 02 thửa đất trên là tài sản riêng của ông T3 nhưng chị không cung cấp được chứng cứ nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Ông T3 chết năm 2018, nguyên đơn chị N cung cấp bản di chúc được ông T3, bà P lập ngày 19/6/2012, theo bà P trình bày khi viết di chúc ông T3 hoàn toàn minh mẫn, không bị lừa dối, đe dọa, ép buộc, xác minh tại địa phương thể hiện bản di chúc ông T3, bà P lập không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, hình thức đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, có người làm chứng là ông Nguyễn Văn T2 - cán bộ Tư pháp xã ĐH và được UBND xã ĐH chứng thực. Đối chiếu bản di chúc chị N cung cấp phù hợp với bản di chúc lưu trữ tại UBND xã ĐH. Căn cứ Điều 630, 631 Bộ luật Dân sự xác định bản di chúc ông T3, bà P lập ngày 19/6/2012 là hoàn toàn hợp pháp. Việc chị H1 khai bản di chúc ông T3, bà P lập giả mạo là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Do Bản di chúc ông T3, bà P lập ngày 19/6/2012 là hợp pháp, căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình bà P và ông T3 mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia kỹ phần thừa kế cho các đương sự theo di chúc của ông T3, bà P là đúng pháp luật.

[2.4] Chị H1 kháng cáo cho rằng ông T3, bà P mua thửa đất số 798 diện tích 84,6m<sup>2</sup> mục đích để cho chị nhưng chị không cung cấp được chứng cứ. Bà P và các đồng thừa kế không thừa nhận nội dung chị H1 khai, đồng thời bà P xác định chỉ cho chị H1 mượn đất làm quán bán hàng, không có việc bà và ông T3 tặng cho chị H1 thửa đất số 798. Hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên ông T3, bà P, chưa làm thủ tục sang tên cho chị H1. Vì vậy, không có căn cứ xác định ông T3 mua thửa đất số 798 diện tích 84,6m<sup>2</sup> trao cho bà P để bà P tặng cho chị H1 sử dụng. Thửa đất số 358 diện tích đo đạc thực tế 171m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T3, bà P. Hiện nay, bà P đang sử dụng và thờ cúng ông T3 nên không có cơ sở buộc bà P phải cắt đất ra để xây dựng từ đường sau đó mới chia thừa kế. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của chị H1 là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về việc phân chia di sản thừa kế của ông Vũ Tiến T3: Chị N kháng cáo đề nghị được chia kỹ phần thừa kế bằng hiện vật đồng thời chị xin sở hữu và sử dụng tài sản là thửa đất số 798, chị có trách nhiệm thanh toán tiền cho anh H, chị H1. Tuy nhiên hiện tại chị N và anh H đều cư trú ở tỉnh khác và có chỗ ở ổn định, chị H1 hoàn cảnh rất khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định, con bị bệnh trọng, đang phải đi ở nhờ nhà người thân, do vậy cần tạo điều kiện cho chị H1 có chỗ ở ổn định để nuôi con, Tòa án cấp sơ thẩm giao thửa đất số 358 diện tích 171m<sup>2</sup> cho bà P sử dụng và giao thửa đất số 798 diện tích 84,6m<sup>2</sup> cho chị H1 sử dụng, bà P và chị H1 có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế của ông T3 cho chị N, anh H là phù hợp pháp luật. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của chị N không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị Vân N và chị Vũ Thị H1 cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Vũ Thị Vân N và chị Vũ Thị H1 không được chấp nhận nên chị N và chị H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị Vân N và chị Vũ Thị H1; Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.
3. Về án phí: áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.  
Chị Vũ Thị Vân N và chị Vũ Thị H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N nộp theo Biên lai số 0002873 và số tiền 300.000 đồng chị H1 nộp theo Biên lai số 0002872 cùng ngày 25/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH sang thi hành án phí dân sự phúc thẩm.
4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TA, VKS, THADS h. ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phương Thảo**

